

THỪA KẾ DI SẢN TRONG PHÁP LUẬT PHONG KIẾN VIỆT NAM

PHẠM THỊ THU HIỂN *

Tóm tắt: Một trong những khía cạnh dân sự luôn được các vương triều phong kiến Việt Nam quan tâm lưu ý là vấn đề thừa kế di sản. Bởi với nền kinh tế trọng nông, tài sản quan trọng nhất được pháp luật phong kiến Việt Nam điều chỉnh là đất đai. Pháp luật về thừa kế thời phong kiến đã làm rõ loại di sản, đối tượng, mức ki phần, hình thức thừa kế và cách thức chia di sản trong quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và các con. Các quy định trên dựa trên nền tảng gia đình, văn hoá truyền thống người Việt và lễ nghi Nho giáo.

Từ khoá: Thừa kế; di sản; pháp luật phong kiến

Nhận bài: 24/5/2021

Hoàn thành biên tập: 30/8/2022

Duyệt đăng: 30/8/2022

INHERITANCE OF REAL ESTATES IN VIETNAM'S FEUDAL LAW

Abstract: A civil aspect which always attracted the attention of Vietnamese feudal dynasties is the issue of real estates inheritance. Land is the most important asset regulated by Vietnamese feudal law because of the agriculture-oriented economy. The feudal law on inheritance clarifies the types of property, the subject, the level of share, the form of inheritance and the method of dividing the real estates in the relationship between husbands and wives, between parents and children. These regulations are based on family background, traditional Vietnamese culture and Confucian tradition.

Keywords: Inheritance; real estates; feudal law

Received: May 24th, 2021; Editing completed: Aug 30th, 2022; Accepted for publication: Aug 30th, 2022

1. Khái quát chung về pháp luật thừa kế di sản thời kì phong kiến Việt Nam

Thời phong kiến chưa có khái niệm rõ ràng về thừa kế. Xuất phát từ lễ nghi Nho giáo và các nghiên cứu về luật cổ, các nhà nghiên cứu cho rằng thừa kế trong pháp luật phong kiến của Việt Nam được rút gọn trong cụm từ “kế tự thừa diêu”¹, tức sinh con nối dõi tông đường và làm cho gia sản tăng lên. Do đó, có thể nhận thấy, quan hệ thừa kế phát sinh từ trong mối quan hệ gia đình, tông tộc và khi người mất để lại di sản. Từ quan

niệm “tắc đất tắc vàng” và đặc trưng của nền kinh tế tiểu nông nên đất đai là tài sản quan trọng nhất trong pháp luật phong kiến Việt Nam. Khảo trong hai bộ luật, “Quốc triều hình luật” (QTHL) và “Hoàng Việt luật lệ” (HVLL) và một số văn bản pháp luật khác như “Thiên Nam dư hạ tập”, “Quốc triều thư khế thể thức”, “Hồng Đức thiện chính thư”, hình thức thừa kế gồm thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Trong mỗi hình thức thừa kế, pháp luật đã có quy định về người thừa kế, trường hợp chia và mức ki phần được hưởng.

- Đối với thừa kế di sản theo di chúc. Hai bộ luật thời Lê và thời Nguyễn không có nhiều điều khoản điều chỉnh vấn đề này.

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: hienptt@hlu.edu.vn

¹ Dẫn theo Huỳnh Công Bá, *Định chế pháp luật và tổ tụng triều Nguyễn (1802-1885)*, Nxb. Thuận Hoá, 2017, tr. 306.

Theo đó, chúc thư chỉ có giá trị khi có người làm chứng và người lập di chúc phải trong tình trạng tinh táo để lập di chúc (Điều 366 QTHL). Theo “Quốc triều thư khế thể thức”, mục đích của việc lập di chúc là phòng khi “cha mẹ qua đời xảy ra tranh chấp” và thời điểm lập chúc thư là “khi cha mẹ già yếu, mắc phải bệnh tật hoặc phải đi xa”². Chương điền sản, Điều 7 “Hồng Đức thiện chính thư” quy định cha mẹ qua đời chưa phân chia tài sản, người con trưởng sẽ giữ văn khế ruộng đất và chúc thư, số ruộng đất đó sẽ chia cho các anh em theo đúng phần của mình được ghi trong chúc thư³. Trong mẫu chúc thư của cha mẹ được ghi chép trong “Quốc triều thư khế thể thức”, việc chia cần ghi rõ địa điểm, ranh giới, diện tích, số lượng và những của cải, nô tì kèm theo: “ruộng đất mấy phần, mấy sào. Ao đầm ruộng đất ở xứ nào, bốn phương giáp với đâu. Nhà ngói mấy gian mấy chái, nô tì mấy người, của cải bao gồm những thứ nào”⁴.

- Đối với thừa kế điền sản theo pháp luật. Theo Điều 388 QTHL: “Cha mẹ mất cả, có ruộng đất, chưa kịp để lại chúc thư; anh chị em tự chia nhau, thì lấy 1/20 số ruộng đất làm phần hương hoá giao cho người con trai trưởng giữ, còn thì chia nhau”⁵. Như vậy,

việc chia thừa kế theo pháp luật được phát sinh khi cha mẹ không để lại chúc thư. Theo quy định này, có thể nhận thấy di sản thừa kế của cha mẹ, chủ yếu là đất đai sẽ được chia làm 20 phần, 1 phần giữ làm hương hoá, 19 phần còn lại đem chia (tài sản thông thường). Thời kì nhà Nguyễn, theo quy định tại Dự năm 1844 đời Thiệu Trị, trong các gia đình tuyệt tự phần dùng làm tự sản không vượt quá giới hạn 30 mẫu ruộng và 3000 quan tiền. Theo đó có thể nhận thấy, nếu như thời Lê cho phép các con cộng tổng số điền sản và chia đều làm 20 phần, không quy định giới hạn tài sản hương hoá thì thời Nguyễn, số ruộng đất để lấy làm tài sản thờ cúng đối với gia đình tuyệt tự được giới hạn là 30 mẫu ruộng. Quy định này có thể xuất phát từ chính sách ruộng đất của triều Nguyễn trước sự gia tăng của số ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân và yêu cầu thực tiễn của xã hội.

Tài sản thờ cúng được thiết lập dựa trên nguyên tắc trọng trưởng, trọng nam, trọng đích. Tuy nhiên, nguyên tắc này đã được áp dụng mềm hoá phù hợp với văn hoá Việt Nam. Điều 391 QTHL quy định: “Người giữ hương hoá có con trai trưởng thì dùng con trai trưởng, không có con trai trưởng thì dùng con gái trưởng”⁶. Quan hệ tài sản hương hoá sẽ chấm dứt sau 5 đời và pháp luật để cho tập quán điều chỉnh (Điều 399 QTHL). Ngoài đất đai lấy làm tài sản thờ cúng, điền sản còn lại sẽ được đem chia cho các con. Tuy nhiên, trong hai bộ luật có sự điều chỉnh khác nhau, cụ thể là:

Thời Lê, theo QTHL, Điều 388 quy định, sau khi đã lấy 1 phần trong 20 phần di sản làm tài sản hương hoá, 19 phần còn lại thì

² Viện Nhà nước và Pháp luật, *Một số văn bản pháp luật Việt Nam, thế kỉ XV - thế kỉ XVIII, Quốc triều thư khế thể thức*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 253.

³ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, tập 1, từ thế kỉ XV đến XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006, tr. 441.

⁴ Viện Nhà nước và Pháp luật, sđd, tr. 254.

⁵ Viện Sử học, *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr. 83.

⁶ Viện Sử học, sđd, tr. 84.

các con được đem chia nhau theo nguyên tắc: “Phần con của vợ lẽ, nàng hầu thì phải kém. Nếu đã có lệnh của cha mẹ và chúc thư thì phải theo đúng, trái thì phải mất phần chia của mình”⁷. Mặt khác, theo Điều 380 QTHL, “con nuôi mà có văn tự là con nuôi và ghi trong giấy rằng sau sẽ chia điền sản cho, khi cha mẹ nuôi chết không có chúc thư, điền sản đem chia cho con đẻ và con nuôi... Nếu trong giấy của con nuôi không ghi là sẽ cho điền sản thì không dùng luật này (đúng phép: điền sản chia làm 3, con đẻ được 2 phần, con nuôi được 1 phần; nếu không có con đẻ mà con nuôi ở với cha mẹ từ thưở bé thì được cả; thưở bé không ở cùng thì con nuôi được 2 phần, người thờ tự được 1 phần)”⁸. Như vậy, các con của vợ cả, vợ lẽ và nàng hầu sẽ nhận được kì phần khác nhau và pháp luật ưu tiên con vợ cả. Đối với trường hợp con nuôi, mức kì phần nhận được điền sản có sự khác nhau, căn cứ thời gian ở cùng bố mẹ nuôi. Đồng thời, việc nhận thừa kế của con nuôi cũng dựa trên cơ sở của pháp luật và chỉ được phép nhận di sản khi văn tự nhận con nuôi và di chúc có ghi là để lại tài sản cho con nuôi.

Thời Nguyễn, theo quy định tại HVLL, Lệ 1 Điều 11, Chương 1, Hộ dịch, Hộ luật: “Số gia tài, điền sản đem chia đều cho các con không kể là con vợ cả, con vợ lẽ hay nàng hầu, chỉ chia đều theo số con”⁹. Đồng thời, theo Lệ 3 Điều 4 Chương 1, Hộ dịch, Hộ luật, HVLL, nếu là con nuôi, con rể được cha mẹ yêu quý thì cho phép nương cậy và

được xem xét chia cho 1 phần gia sản¹⁰. Theo quy định trên có thể nhận thấy, nếu như trong QTHL, mức kì phần nhận được của các con là khác nhau thì trong bộ HVLL, số điền sản các con nhận được là như nhau và xuất hiện thêm trường hợp thừa kế của con rể trong trường hợp khi được cha mẹ yêu quý. Ở rể chỉ xuất hiện trong văn hoá Trung Quốc. HVLL hầu như kế thừa “Đại Thanh luật lệ” của Trung Quốc nên quy định này cũng được kế thừa và phản ánh trong luật.

Bên cạnh việc chia thừa kế điền sản giữa cha mẹ với các con, pháp luật thời kì nhà Lê còn quan tâm đến việc chia thừa kế điền sản giữa vợ và chồng. Nguyên tắc chia cơ bản là tài sản vợ chồng chủ yếu để lại cho con, nếu một người chết trước, người còn sống sẽ thay mặt người chết quản lí tài sản cho con. Theo quy định, điền sản trong thời kì hôn nhân được chia làm 3 loại: tảo điền sản, phu điền sản và thê điền sản. Luật triều Lê dự liệu ba trường hợp cá biệt, sau khi hôn nhân chấm dứt, ba khối điền sản này sẽ được đem chia theo 3 trường hợp: 1) vợ chồng không con 1 người chết (Điều 375 QTHL); 2) vợ chồng có con 1 người chết trước, con lại chết theo (Điều 376 QTHL); 3) hôn nhân lần 1 có con lần sau không con, 1 người chết trước (Điều 374 QTHL). Theo quy định tại các điều khoản này có thể nhận thấy, khối tài sản chung là tảo điền sản được đem chia cho vợ và chồng, hai khối tài sản còn lại là phu điền sản và thê điền sản được đem chia cho vợ chồng với mức kì phần khác nhau và cho người thờ tự hai bên. Đồng thời, người vợ chỉ được hưởng

⁷ Viện Sử học, sđd, tr. 83.

⁸ Viện sử học, sđd, tr. 82.

⁹ Viện sử học, sđd, tr. 408.

¹⁰ Viện sử học, sđd, tr. 399.

dụng phụ điền sản trong 1 đời hoặc trả lại cho chồng hoặc người thờ tự; người chồng được hưởng dụng khối tài sản từ thế điền sản suốt đời. Điều này tuy vẫn thể hiện sự hạn chế trong pháp luật xưa, đó là sự bất bình đẳng trong quan hệ thừa kế tài sản giữa vợ và chồng nhưng cũng đã thể hiện sự tiến bộ so với pháp luật cùng thời trong việc đảm bảo quyền thừa kế của phụ nữ.

2. Các biện pháp đảm bảo quyền thừa kế điền sản trong pháp luật phong kiến

2.1. Quy định quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ thừa kế

Nho giáo là một học thuyết chính trị - đạo đức đề cao yếu tố con người và ràng buộc mỗi quan hệ giữa con người với nhau trong phạm vi gia đình, xã hội và quốc gia bằng những tiêu chí đạo đức nhất định. Trong 6 mối quan hệ: vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em, bạn bè, thầy - trò, Nho giáo coi các mối quan hệ trong gia đình là trung tâm bởi gia đình là nền gốc của xã hội. Để tạo ra trật tự gia đình chặt chẽ có trên có dưới, “*cha nên cha, con nên con, anh nên anh, em nên em, vợ nên vợ, chồng nên chồng...*”¹¹, các thành viên trong gia đình cần cư xử theo những quy tắc nhất định. Đối với cha mẹ, theo lễ nghi Nho giáo, “cha sinh mẹ dưỡng”, cha mẹ có nghĩa vụ và bổn phận chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo con cái, làm gương cho con noi theo; có quyền quyết định những vấn đề về hôn nhân, tài sản của con cái khi đang ở chung với cha mẹ. Đối với con cái, chữ hiếu được đề cao bởi theo Khổng Tử “*tuổi trẻ muốn nên người, ở nhà cần hiếu thuận*

với cha mẹ”¹² và hiểu là “*cái gốc của việc làm đạo nhân*”. Do đó, các quan hệ phát sinh trong gia đình, dòng họ nói chung hay quan hệ thừa kế nói riêng, đặc biệt giữa cha mẹ với các con luôn được các nhà làm luật thời phong kiến lưu tâm. Theo đó, cha mẹ thiết lập quyền thừa kế tài sản thờ cúng và quy định mức kỉ phần thừa kế đối với các con. Đồng thời, cha mẹ có quyền tước phần thừa kế tài sản của con cái trong các trường hợp: con cái có sự bất bình về việc phân chia tài sản, tranh giành¹³ hoặc khi cha mẹ từ con. Theo một quy định được ghi chép trong “*Hồng Đức thiện chính thư*” năm 1476 thời Lê: “*Con cháu vi phạm pháp luật rượu chè cờ bạc, trai gái, ham mê chơi gà chó săn, du đãng ngoài đường, lãng mạ ông bà cha mẹ, họ hàng thân thuộc, đó là những đứa phá gia chi tử, cha mẹ phải ngày đêm dạy bảo. Nếu đứa con đó không nghe lời dạy bảo, không sửa lỗi lầm, trái lời cha mẹ thì theo lí phải kể hết tội vào trong đơn xin từ không nhận làm con*”¹⁴. Như vậy, những đối tượng bất hiếu hay phá gia chi tử sẽ không được nhận thừa kế tài sản nói chung và điền sản từ cha mẹ.

Đối với các con, trong hình thức thừa kế theo di chúc hay pháp luật thì các con sẽ được nhận đúng kỉ phần của mình và toàn quyền sử dụng số điền sản đó, tức là được quyền định đoạt theo ý muốn của mình. Pháp luật quy định những người đã đi làm

¹² Dương Hồng, Vương Thành Trung, Nhiệm Đại Viện, Lưu Phong chú dịch, *Tứ Thư, sách Luận ngữ*, Nxb. Quân đội nhân dân, 2003, tr. 107.

¹³ Nguyễn Ngọc Nhuận, *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, tập 2, từ thế kỉ XV đến XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009, tr. 352.

¹⁴ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sdd, tr. 479.

¹¹ Vũ Khiêu, *Nho giáo xưa và nay*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1991, tr. 116.

con nuôi người họ khác, trở về tranh điền sản của người tuyệt tự trong họ thì sẽ được chia bằng một nửa phần của người thừa tự (Điều 381 QTHL). Bên cạnh đó, khảo trong “Giấy giao kèo giữa anh và em” và “Chức thư của cha mẹ”, trong “Quốc triều thư khế thể thức”, các con và anh em cần có bản phận “*siêng năng làm ăn, chăm lo thờ cúng tổ tiên*”¹⁵. Đồng thời, khi cha mẹ còn sống, con cái không được bán trộm điền sản của cha mẹ bởi như vậy sẽ không làm tròn đạo hiếu với cha mẹ (Điều 378 QTHL).

Mặt khác, pháp luật phong kiến có nhiều điều khoản quy định bảo vệ tài sản của con cháu. Cha mẹ hay người trong họ tự tiện bán điền sản của con cháu thì bị tội xuy¹⁶, biếm¹⁷ và truy thu tiền trả cho chủ mua¹⁸ hoặc người trưởng họ chia điền sản không đúng phép thì sẽ bị xử phạt (Điều 380 QTHL). Đồng thời, đối với tài sản thờ cúng, pháp luật cũng có quy định rõ ràng về trách nhiệm duy trì khối tài sản này. Điều 400 QTHL quy định: “*Ruộng đất hương hoá dù con cháu nghèo khó cũng không được đem bán làm trái luật, có người tố cáo phải ghép vào tội bất hiếu. Nếu người trong họ mua số ruộng đất ấy thì mất số tiền mua. Người ngoài mà mua thì phải cho chuộc, người mua không được cố giữ*”¹⁹ và tại Điều 17 năm Hồng Đức 1494 trong “Hồng Đức thiện chính thư” nêu rõ: Ruộng đất hương hoá trải qua 5 đời

không phải để tang nữa, người trong họ không được chia nhau ruộng đất hương hoá²⁰. Trong trường hợp người con trưởng trong gia đình vì lí do nghèo khó phải phiêu bạt đi nơi khác thì người trong họ có trách nhiệm báo với quan sở tại giao cho người trong họ thờ tự cho đến khi người con trưởng quay về (Điều 394 QTHL). Tuy nhiên, đối với những điền sản mà con trai, con gái cho người trong họ hay người ngoài họ cày hoặc ở quá niên hạn (trong họ là 30 năm, ngoài họ là 20 năm) thì không được phép đòi lại. Những quy định trên xuất phát từ quan điểm hôn nhân gia đình theo lễ nghi Nho giáo trong việc duy trì sự trường tồn của dòng họ và sự tương thân của các thành viên trong gia đình truyền thống người Việt.

Trong quan hệ tài sản giữa vợ chồng, tùy từng trường hợp, pháp luật quy định trách nhiệm của các bên tham gia trong việc phân chia tài sản ruộng đất. Theo “Lệ phạt cặp vợ chồng không con vi phạm luật ruộng đất” ghi chép trong “Quốc triều Hồng Đức niên gian chư cung thể thức”, trong trường hợp vợ chồng không có con cái thì ruộng đất được chia là 2 phần, 1 phần cho nội tộc cày cấy phòng tế tự về sau, 1 phần cho ngoại tộc thờ cúng gia tiên²¹.

Như vậy, pháp luật phong kiến Việt Nam đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ thừa kế, đặc biệt coi trọng quyền của các con (con đẻ, con nuôi, con trai, con gái) người thừa tự và vợ chồng khi có con hoặc không con. Thừa kế tài sản thờ cúng vừa là quyền vừa là nghĩa vụ thiêng liêng

¹⁵ Viện Nhà nước và Pháp luật, sđd, tr. 253 - 256.

¹⁶ Xuy: là một trong năm hình phạt trong Ngũ hình, tức là đánh bằng roi, từ 10 đến 50 roi.

¹⁷ Trượng: là một trong năm hình phạt trong Ngũ hình, tức là đánh bằng cây song lớn, có máu, từ 60 đến 100 trượng.

¹⁸ Nguyễn Ngọc Nhuận, sđd, tr. 326.

¹⁹ Viện Sử học, sđd, tr. 86.

²⁰ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 448.

²¹ Nguyễn Ngọc Nhuận, sđd, tr. 324.

của mỗi gia đình theo nguyên tắc trọng trưởng, trọng nam, trọng đích. Những quy định và dự liệu của pháp luật sẽ góp phần quan trọng vào thực tiễn áp dụng và tránh những tranh chấp xảy ra.

2.2. Quy định rõ thủ tục lập chúc thư và giải quyết tranh chấp phát sinh

- Lập di chúc: Điều 366 QTHL quy định: “*Những người làm chúc thư văn khế mà không nhờ quan trưởng trong làng viết thay và chứng kiến thì phạt 80 trượng, phạt tiền theo việc nặng nhẹ. Chúc thư không có giá trị. Nếu biết chữ mà viết lấy thì được*”²².

Những người lập chúc thư giả sẽ bị áp dụng hình phạt trượng và đồ. Theo quy định bổ sung trong Chương Điền sản về lệ lập chúc thư văn khế của “Thiên Nam dư hạ tập” và chúc thư trong “Quốc triều thư khế thể thức” cho thấy, bản di chúc có hiệu lực khi có chữ kí hoặc điểm chỉ của người lập di chúc (cha và mẹ), người chứng kiến và người viết thay. Mặt khác, tùy từng loại văn bản sẽ có thêm sự xác nhận của những người khác như trong “chúc thư của người cha” cần có thêm điểm chỉ và tên của hương trưởng, “chúc thư của cha mẹ” cần được làm 10 bản giao cho con cháu mỗi người giữ một bản²³.

- Trong trường hợp cha mẹ chưa lập được chúc thư, pháp luật cho phép anh em được lập giấy giao kèo. Trong “giấy giao kèo giữa anh và em” cần có hương trưởng và tộc trưởng đến dự chứng kiến, các anh chị em đều điểm chỉ vào văn bản. Nội dung giấy giao kèo cần nêu rõ “*số ruộng vườn này nguyên là của riêng bố mẹ, không liên can gì đến người trong thân thuộc nội ngoại,*

không có việc mờ ám hay trao đi đổi lại” và mức nhận được từ “*số ruộng vườn, ao chuôm, nô tì, của cải từng phần*” của mỗi người từ cha mẹ²⁴.

- Cách thức giải quyết tranh chấp: theo luật thời Lê - Trịnh, khi có đơn kiện về ruộng đất thì bản xã, huyện nhận và giải quyết, phúc thẩm tại quan phủ, không giải quyết được thì đưa đến phúc thẩm tại Thừa ti, sau đó mới đến Ngự sử đài, Chính đường khi tình lí có điều bức bách chưa được làm sáng tỏ²⁵. Cách thức giải quyết dựa trên cơ sở của chúc thư, đạo hiếu và trong các trường hợp cụ thể nhất định. Người đi kiện cần đem chúc thư xuất trình, các quan cho sao 1 bản rồi cùng kí tên và phụ kèm vào hồ sơ, bản chính trả lại cho người đi kiện²⁶. Trong trường hợp, khi các con được chia đều điền sản mà vẫn bất bình gây rối, làm việc xấu thì bị xử không được phần chia nữa bởi các con đã vi phạm đạo hiếu cũng như làm trái với lời nhắc nhở của cha mẹ được ghi trong chúc thư. Trường hợp dân lưu tán có ruộng đất tổ tông ở nơi xa, con cái còn nhỏ thì tộc trưởng phải tạm chia làm 3 phần: bản thân 1 phần, 2 phần cho họ tộc quản lí²⁷. Mặc dù các nhà làm luật thời phong kiến không có sự giải thích cho điều luật này nhưng có thể thấy, quy định này một mặt xuất phát từ việc đề cao vai trò của người đứng đầu dòng họ trong việc duy trì, bảo vệ khối tài sản thờ cúng của con cháu; mặt khác, nhằm hạn chế sự tích tụ ruộng đất vào trong tay cá nhân một người trong họ và tránh bỏ hoang ruộng đất.

²⁴ Viện Nhà nước và Pháp luật, sđd, tr. 255 - 256.

²⁵ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 713.

²⁶ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 277.

²⁷ Nguyễn Ngọc Nhuận, sđd, tr. 324.

²² Viện Sử học, sđd, tr. 78.

²³ Viện Nhà nước và Pháp luật, sđd, tr. 253 - 256.

Bên cạnh quy định giải quyết tranh chấp giữa các bên trong các vụ kiện nói chung và trong các vụ việc liên quan đến thừa kế di sản nói riêng cần tuân theo những quy định của pháp luật về thời gian, trình tự, thủ tục. Khi xét chúc thư, quan xử án cần cùng nhau xem xét và lưu trong văn án là chúc thư có hợp lệ không, điểm chỉ ngắn dài như thế nào, có tẩy xoá, sửa chữa ngày tháng trong chúc thư không, chúc thư được làm thành bao nhiêu bản... Thời hạn xử án không được kéo dài, nếu quá kì hạn thì quan xử án sẽ bị xử phạt. Theo Điều 1 “Quốc triều khám tụng điều lệ”, nếu trong vụ kiện về tài sản mà không có chúc thư, quan xử án nhận bừa, gọi bừa đến hầu toà, sau này mới giải quyết là bác trả thì cho phép người đó khiếu nại với quan ở cấp sau để xử phạt quan nhận bừa²⁸. Đồng thời, pháp luật phong kiến Việt Nam

cũng dự liệu trách nhiệm của người đại diện chính quyền cơ sở cố ý làm trái. Kẻ nào giả nhận họ hàng chiếm đoạt ruộng đất, xã trưởng dung túng bị xử theo pháp luật²⁹.

Các quy định trên giúp những chủ thể trong quan hệ thừa kế biết được cách thức, trình tự lập chúc thư, khiếu kiện khi xảy ra tranh chấp. Đồng thời, những quy định về việc nhận đơn kiện, trình tự, thời gian giải quyết các vụ việc về di sản của quan lại là cơ sở để triều đình đánh giá tài năng, đạo đức của họ trong quá trình làm việc.

2.3. Quy định về xử phạt những vi phạm về thừa kế di sản

Bên cạnh quy định về các trường hợp chia tài sản, quyền và nghĩa vụ các bên, pháp luật phong kiến Việt Nam cũng dự liệu những trường hợp vi phạm và mức xử phạt tương ứng.

Bảng thống kê hành vi và chế tài xử phạt về chia di sản trong pháp luật phong kiến Việt Nam³⁰

STT	Hành vi	Chế tài
1	Chia tài sản vợ chồng trong trường hợp vợ chồng trước có con, hôn nhân sau không đúng phép (Điều 374 QTHL)	Phạt 50 roi, biếm 1 tư
2	Chia tài sản trong trường hợp vợ chồng không con 1 người chết trước, chia không đúng phép (Điều 375 QTHL)	Phạt 50 roi, biếm 1 tư
3	Hôn nhân có con, 1 người chết trước con lại chết theo, chia không đúng (Điều 376 QTHL)	Phạt 50 roi, biếm 1 tư và mất phần chia
4	Khi chồng chết, con còn nhỏ, mẹ cải giá mà đi bán di sản của con (Điều 377 QTHL)	Phạt 50 roi, trả tiền người mua, trả ruộng cho con; Người biết cứ mua thì phạt 80 trượng, mất số tiền mua, ruộng trả lại cho con; Người viết thay văn tự và chứng kiến phạt 60 trượng biếm 2 tư.

²⁸ Nguyễn Ngọc Nhuận, sđd, tr. 716 - 717.

²⁹ Nguyễn Ngọc Nhuận, sđd, tr. 325.

³⁰ Viện Sử học, sđd, 2009; Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sđd; Nguyễn Ngọc Nhuận, sđd, 2009.

5	Con cháu bán trộm điền sản của cha mẹ khi còn sống (Điều 378 QTHL)	Con trai phạt 60 trượng, biếm 2 tư; con gái phạt 50 roi, biếm 1 tư, trả tiền người mua và điền sản cho cha mẹ; Người biết sự việc mà cứ mua thì mất số tiền mua, người viết thay và chứng kiến phạt 50 roi và biếm 1 tư.
6	Ông bà cha mẹ chết cả mà người trưởng họ bán điền sản của con cháu không có lí do chính đáng (Điều 379 QTHL)	Phạt 60 trượng, biếm 2 tư, trả tiền người mua, trả thêm 1 lần tiền nữa cho người mua và con cháu mỗi người 1 nửa, điền sản trả lại cho con cháu.
7	Trưởng họ chia điền sản không đúng phép trong trường hợp chia tài sản cho con nuôi (Điều 380 QTHL)	Phạt 50 roi, biếm 1 tư
8	Người đã làm con nuôi họ khác mà về tranh điền sản của người tuyệt tự trong họ thì được chia ½ điền sản của người thừa tự (Điều 381 QTHL)	Phạt 80 trượng
9	Làm trái chúc thư phân chia điền sản của cha mẹ (Điều 388 QTHL)	Mất kỉ phần của mình
10	Cha mẹ không nhận làm con, trong chúc thư không có tên, cố tranh giành đất đai (Điều 354 QTHL)	Biếm 3 tư, đòi lại số ruộng đất tranh cho người chủ. Người trưởng họ đảm bảo sai thì biếm 1 tư
11	Con cháu bán trộm điền sản tế tự của ông bà để lại nhiều đến 50 mẫu (Lệ Điều 4 Chương ruộng đất, Hộ luật, HVLL)	Bắt sung quân đưa ra viễn biên
12	Ông bà cha mẹ còn sống mà tách hộ chia của (Điều 10, Hộ luật, Chương 1 (Hộ dịch), HVLL)	Xử 100 trượng
13	Anh em kiện cáo đòi phân lại ruộng đất theo chúc thư Điều 2 (Chương Điền sản, Hồng Đức thiện chính thư)	Đánh 80 trượng, xử tội đồ, bị tước đoạt phần ruộng đất được hưởng của mình
14	Tranh giành ruộng đất, đánh anh em (Điều 4, năm Hồng Đức thứ 2 (1471), Hồng Đức thiện chính thư)	Tội bất hiếu, đánh 80 trượng, tước phần của mình, bị người đời chê cười
15	Anh em kiện cáo đòi chia ruộng đất (Điều 2 Chương điền sản, Hồng Đức thiện chính thư)	Đánh 80 trượng
16	Anh em tranh giành cấm mốc giới sau khi đã chia tài sản (Quốc triều Hồng Đức niên gian chư cung thể thức)	Đánh 70 gậy, xử tội đồ, xung làm lính và bị tước đoạt phần của mình
17	Trong nhà cha mẹ đều mất, người trong họ tự tiện bán điền sản của con cháu (Quốc triều Hồng Đức niên gian chư cung thể thức)	Đánh 60 gậy, biếm 3 tư và truy thu số tiền trả lại cho chủ

Theo thống kê ở trên, có 11 điều trong QTHL (chiếm 64,71%), 2 điều khoản trong HVLL (chiếm 11,76 %) đề cập các hành vi vi phạm thừa kế điền sản và mức xử phạt. Có thể thấy QTHL thời Lê có ghi chép cụ thể về hành vi, mức phạt và các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm về thừa kế điền sản. Nhìn vào bảng thống kê có thể nhận thấy chế tài chủ yếu là xuy, trượng và biếm tư. Những chế tài này vừa mang tính răn đe làm đau đớn thân thể người phạm tội vừa góp phần nâng cao nhận thức của con người về hành vi đạo đức của bản thân.

3. Một vài nhận xét

Một là, theo thống kê, số lượng điều khoản điều chỉnh vấn đề thừa kế điền sản trong bộ QTHL là 23 điều³¹, gấp 7,67 lần các điều khoản về thừa kế điền sản trong bộ HVLL (3 điều khoản)³². Đồng thời, các quy định liên quan đến việc chia điền sản giữa vợ chồng không được đề cập trong HVLL thời Nguyễn. Quy định đó cho thấy, mức độ điều chỉnh vấn đề thừa kế điền sản thời Lê cụ thể, rõ ràng hơn. Nguyên do có thể triều Nguyễn tiếp thu Đại Thanh luật lệ của Trung Quốc (mà pháp luật Trung Quốc không có quy định về vấn đề này) hoặc pháp luật triều Nguyễn mặc nhiên thừa nhận những quy định trong pháp luật thời Lê. So với pháp luật cùng thời ở Trung Quốc hay luật Manu của Ấn Độ có thể nhận thấy đây là điểm khác biệt và tiến bộ trong việc quy định rõ ràng quan hệ tài sản giữa vợ với chồng, theo đó người phụ nữ cũng có quyền tài sản,

quyền thừa kế. Về nguyên tắc trong pháp luật Trung Quốc xưa, người phụ nữ bị hạn chế về việc hưởng thừa kế tài sản. Theo Tổng hình luật, đối với những hộ tuyệt tự, tài sản (nhà ở, tiền, xương,) được phân làm 3 phần, 1 phần cho con gái đã xuất giá, 2 phần nhập vào quốc khố, còn ruộng đất thì chia cho người thân thích³³. Quy định này cho thấy, người phụ nữ không được thừa hưởng điền sản từ cha mẹ để lại. Tuy nhiên, sang đời vua Tổng Nhân Tông, phụ nữ góa chồng được thừa kế tài sản của của chồng để thực hiện việc thờ cúng nhưng với điều kiện người chồng đã lập di chú, nếu tái giá thì phải trả lại cho nhà chồng³⁴. Mặc dù có sự tiến bộ hơn so với đầu thời kì nhà Tống nhưng việc thừa kế điền sản của người phụ nữ cũng bị hạn chế và bị ràng buộc trong những điều kiện nhất định mà không phải được mặc nhiên thừa nhận như trong pháp luật Việt Nam.

Hai là, quy định liên quan đến thừa kế điền sản trong pháp luật phong kiến Việt Nam có sự bảo lưu yếu tố đạo đức, văn hoá gia đình truyền thống người Việt và lễ nghi Nho giáo. Theo đó, người phụ nữ được quyền thừa kế tài sản hương hoá và được quyền có tài sản riêng. Riêng trong bộ QTHL, đối với điền sản dùng làm việc thờ cúng đã sử dụng thuật ngữ trong dân gian đó là “hương hoá”. Đối với loại điền sản này, xét về đạo đức, cũng như phương diện kinh tế, nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, chuyển nhượng. Người Việt từ bao đời nay rất coi trọng chữ “hiếu” trong quan hệ gia đình, do đó QTHL thời Lê đã có những quy định rất rõ về đối tượng, kỉ phần, mức được hưởng, các trường hợp thừa kế và

³¹ Các điều 354, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400 Quốc triều hình luật.

³² Điều 4, Điều 10, Lệ 1 Điều 11, Chương 1, Hộ dịch, Hộ luật, Hoàng Việt luật lệ.

³³ Trương Tấn Phiên, *Trung Quốc pháp chế sử*, quyển 5, Nxb. Pháp luật, 1998, tr. 316.

³⁴ Trương Tấn Phiên, sdd, tr.318

nghiêm cấm sự tranh giành. Bởi nếu có sự tranh giành thì sẽ quy vào tội bất hiếu và bị truất quyền thừa kế. Đồng thời, vấn đề nhận nuôi con nuôi và quy định mức tài sản con nuôi được hưởng dựa trên giấy tờ đã khẳng định truyền thống tốt đẹp của người Việt và sự rõ ràng trong pháp luật phong kiến về quyền tài sản của con nuôi. Bên cạnh đó, pháp luật thời Lê còn đề cao sự công bằng, trách nhiệm của cha mẹ, của người con trưởng và sự tương thân giữa các thành viên trong gia đình. Theo Điều 9 Chương điền sản trong “Thiên Nam dư hạ tập” có chép: “*Cha mẹ vì yêu ghét mà chia ruộng đất cho con cái không được công bằng, con nhiều con ít, sau vì việc đó mà kiện cáo khi ấy mới lập ra chúc thư văn khế thì cũng cho phép*”³⁵. Điều này cho thấy các nhà làm luật thời Lê đã đặt ra yêu cầu sự công bằng từ phía cha mẹ khi lập chúc thư phân chia điền sản cho các con để tránh mất đoàn kết và các mối hoạ về sau. Trong trường hợp người con trưởng tham lam không theo di chúc chia, để cho các em bị thiệt thòi mà người em khác phát đơn kiện thì sẽ bắt tội người con trưởng. Bên cạnh đó, việc lập di chúc hay giao kèo giữa anh em trong việc chia thừa kế điền sản giữa cha mẹ với các con có sự bất hoà, làm trái ý cha mẹ thì pháp luật sẽ can thiệp điều chỉnh. Chúc thư và giao kèo trong “Quốc triều thư khế thể thức” luôn có dòng chữ: “*Nếu ai đó tranh giành, gây ra tội xích mích, đánh mất bốn phần, có phép nước trừng trị*”; hoặc “*Nếu ai đó liều lĩnh làm trái, cố ý tranh giành, phạm tội bất hiếu lấy phần người khác thì có phép nước*”³⁶.

Trong những năm gần đây, các vụ án về phân chia di sản thừa kế liên quan đến đất đai có chiều hướng gia tăng đã làm mất đi tình cảm, hoà khí trong gia đình. Nguyên nhân dẫn đến việc tranh chấp đất đai trong thân tộc, gia đình là do người dân chưa có sự rõ ràng, rạch ròi trong việc phân chia, thừa kế, tặng cho, chuyển đổi tài sản; không tuân thủ pháp luật về hình thức và nội dung nên sau khi được cha mẹ tặng, cho không làm đúng các thủ tục theo quy định, dẫn đến việc bố mẹ có để lại di chúc nhưng một trong số những người con trong gia đình không đồng ý với di chúc hoặc có lập di chúc nhưng di chúc đó không đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật nên không hợp pháp³⁷. Do vậy, cần kết hợp việc tuyên truyền phổ biến pháp luật tới người dân cùng với việc nâng cao ý thức đạo đức, văn hoá truyền thống gia đình người Việt.

Ba là, các quy định về thừa kế điền sản trong pháp luật phong kiến Việt Nam là cơ sở khẳng định quyền năng của chủ sở hữu trong quan hệ sở hữu và các giao dịch dân sự. Trong các giao dịch đó, nếu người giám hộ là trưởng họ đem bán cần nêu được lí do giao kết hợp đồng, nếu không nêu được lí do chính đáng thì người tham gia giao kết hợp đồng sẽ phải gánh chịu hậu quả nhất định và hợp đồng vô hiệu như Điều 379 QTHL quy định: Ông bà, cha mẹ chết cả mà người trưởng họ bán điền sản của con cháu không có lí do chính đáng thì xử phạt 60 trượng, biếm hai tư, trả lại tiền cho người mua và lại trả thêm một lần tiền mua nữa để chia cho người mua và con cháu mỗi bên một nửa;

³⁵ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sdd, tr.441.

³⁶ Viện Nhà nước và Pháp luật, sdd, tr. 253, 255, 256.

³⁷ Tô Dung, *Phân chia di sản thừa kế nên rõ ràng minh bạch ngay từ đầu*, <http://baothanhhoa.vn/doc-gia/phan-chia-di-san-thua-ke-nen-ro-rang-minh-bach-ngay-tu-dau/119148.htm>, truy cập 24/7/2022.

điền sản thì trả lại cho cháu. Người biết mà cứ mua thì mất tiền mua. Đồng thời, trong hợp đồng đó cần khẳng định lời cam đoan về tính hợp pháp của tài sản bằng việc mô tả rõ đặc điểm, hình dạng, màu sắc, kích thước, vị trí tiếp giáp, khu vực phân bố; khẳng định đó là tài sản của bản thân³⁸ và chấp hành mọi quy định của pháp luật khi có sự sai phạm.

Sự rõ ràng về chế độ tài sản giúp duy trì tôn ti trật tự gia đình, ngăn ngừa sự tranh giành trong gia đình dòng họ, góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo trật tự xã hội, tránh cho con cái, anh em, cha mẹ, vợ chồng tranh chấp, thậm chí bức hại nhau để chiếm đoạt tài sản. Bằng việc luật hoá các quy tắc đạo đức Nho giáo vào trong pháp luật, các tiêu chí nhân, lễ, nghĩa, chí, tín, hiếu kính... đã được lồng ghép trong các quy định về việc đảm bảo mối quan hệ ứng xử của các thành viên trong gia đình nói chung và thừa kế nói riêng. Sự vi phạm về chữ tín, hiếu kính giữa cha mẹ với các con, sự kính trọng tình nghĩa anh em đều bị áp dụng những hình phạt nhất định. Do đó, trong pháp luật hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, dân sự cần sự luật hoá các quy tắc đạo đức của các thành viên trong gia đình trong mọi mối quan hệ và kèm theo đó là các chế tài tương ứng nếu có sự vi phạm. Điều này góp phần làm hạn chế những tranh chấp nảy sinh nói chung và thừa kế tài sản đất đai nói riêng hiện nay. Đồng thời, pháp luật thời Lê có áp dụng hình phạt “biếm” đánh vào tư cách đạo đức của con người cũng là một cách thức xử phạt mà chúng ta có thể kế thừa. Bên cạnh đó, sự rõ ràng trong thủ tục giải quyết trách chấp và thời hạn giải quyết vụ việc về điền sản giúp

nhà nước kiểm soát được chức trách của quan lại trong thi hành công vụ và quản lí người dân có hiệu quả. Thời phong kiến, thời hạn xử án, tồn đọng án là một trong những tiêu chí để đánh giá quan lại, làm cơ sở cho việc thưởng phạt, thăng giáng. Do đó, để đảm bảo chức trách của những người đại diện cho cơ quan công quyền giải quyết tranh chấp cần phải lấy đó làm tiêu chí cho việc đánh giá cán bộ, công chức hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Công Bá, *Định chế pháp luật và tổ tụng triều Nguyễn (1802-1885)*, Nxb. Thuận Hoá, 2017.
2. Dương Hồng, Vương Thành Trung, Nhiệm Đại Viện, Lưu Phong chú dịch, *Từ Thư, sách Luận ngữ*, Nxb. Quân đội nhân dân, 2003.
3. Vũ Khiêu, *Nho giáo xưa và nay*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1991.
4. Nguyễn Ngọc Nhuận, *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, tập 2, từ thế kỉ XV đến XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.
5. Trương Tấn Phiên, *Trung Quốc pháp chế sử*, quyển 5, Nxb. Pháp luật, 1998.
6. Viện Nhà nước và Pháp luật, *Một số văn bản pháp luật Việt Nam, thế kỉ XV - thế kỉ XVIII. Quốc triều thư khế thể thức*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.
7. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, tập 1, từ thế kỉ XV đến XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
8. Viện Sử học, *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.

³⁸ Viện Nhà nước và Pháp luật, sđd, tr. 257- 258.